TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 224/2024/DS-PT
Ngày: 25/3/2024
V/v tranh chấp vay tài sản, đòi tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Như Hà.

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Mỹ Nhung.

Ông Phạm Hồng Giảng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý - Kiểm sát viên.

Vào ngày 25 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2024/TLPT-DS ngày 03/01/2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, đòi tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 501/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận X bị kháng cáo.

Và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận X theo Quyết định kháng nghị số 10/QĐKNPT-VKS-DS ngày 13/10/2023 kháng nghị toàn bộ bản án, đề nghị sửa án sơ thẩm.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 678/2024/QĐ-PT ngày 19 tháng 2 năm 2024 và quyết định hoãn phiên toà số 2793/2024/QĐ ngày 11 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Võ Thanh A, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Đường B, Phường B, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Hồng A1, sinh năm 1980, (Có mặt). Địa chỉ: Đường B, Phường B, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. (Giấy ủy quyền số

công chứng 1061 ngày 8/3/2023 lập tại Văn phòng công chứng Nguyễn Anh Tăng).

Bị đơn: Ông Ngô Đức C, sinh năm 1984, (Có mặt).

Địa chỉ: Đường D, Phường D, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Phạm Thùy E, (Vắng mặt). Địa chỉ: Đường D, Phường D, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện nguyên đơn trình bày:

Do có quan hệ quen biết từ trước nên ông A và ông Ngô Đức C có hợp tác làm ăn trong một số lĩnh vực, ông C đã nhiều lần vay tiền ông A và có mua xe ô tô của ông A, các giao dịch cụ thể như sau:

Ngày 08/5/2020, ông A và ông C có ký hợp đồng mua bán xe 01 chiếc ô tô nhãn hiệu Toyota – Biển kiểm soát 49LD-YYYY, giá trị mua bán tổng cộng là 191.980.000đ (Một trăm chín mươi mốt triệu chín trăm tám mươi ngàn đồng). Sau khi ký hợp đồng thì ông A đã giao xe cho ông C, nhưng ông C chưa trả số tiền mua xe là 191.980.000 đồng cho ông A. Tại phiên tòa do không có chứng cứ về việc chi tiền sửa chữa chiếc xe ô tô trên, nên nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ còn đòi ông C trả 120.000.000 đồng là giá trị của xe không tính chi phí sửa chữa.

Ngày 09/6/2020, ông A có cho ông C vay số tiền 745.000.000đ (Bảy trăm bốn mươi lăm triệu đồng), không tính lãi. Ông A đã nhiều lần đòi ông C số tiền này, nhưng ông C thường xuyên khất không chịu trả ông A.

Trong các tháng 5,6,9,10,11/2020, ông C có vay ông A nhiều lần tổng cộng là 77.000.000đ (Bảy mươi bảy triệu đồng) và ông A đã chuyển tiền cho ông C vay vào tài khoản của vợ ông C là bà Trần Phạm Thùy E, cụ thể các lần chuyển tiền như sau:

- Ngày 06/5/2020 ông A chuyển cho ông C vay 16.000.000 đồng.

- Ngày 08/6/2020 ông A chuyển cho ông C vay 16.000.000 đồng.

- Ngày 07/9/2020 ông A chuyển cho ông C vay 15.000.000 đồng.

- Ngày 06/10/2020 ông A chuyển cho ông C vay 15.000.000 đồng.

- Ngày 09/11/2020 ông A chuyển cho ông C vay 15.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền bán xe và tiền vay thì ông C còn nợ ông A là 942.000.000đ (Chín trăm bốn mươi hai triệu đồng), ông A yêu cầu ông C phải

trả toàn bộ số tiền này một lần, nếu bị đơn trả đủ ngay thì nguyên đơn không yêu cầu trả lãi đối với số tiền này.

Bị đơn ông C trình bày: Đối với việc mua xe thì ông A chỉ có lần gọi điện cho ông C nói là bán chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota – Biển kiểm soát 49LD-YYYY, giá trị mua bán tổng cộng là 191.980.000 đồng, nhưng ông C không trả lời ông A có mua hay không, sau đó ông A mang chiếc xe trên đến để ở một tiệm sửa xe ở Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh rồi nói ông C tới nhận xe nhưng ông C không mua xe nên ông C không tới nhận. Ông C cam kết không có việc mua bán chiếc xe ô tô trên giữa ông A và ông C, nên ông C không có nghĩa vụ trả ông A số tiền 191.980.000 đồng .

Đối với khoản vay ngày 09/6/2020, ông A khai có cho ông C vay số tiền 745.000.000đ (Bảy trăm bốn mươi lăm triệu đồng), ông C chỉ biết có nhiều lần ông A đưa cho ông C ký khống một số giấy tờ, do tin tưởng ông A nên ông C vẫn ký, nhưng ông C khẳng định không vay ông A số tiền trên nên ông C không có nghĩa vụ trả 745.000.000 đồng cho ông A.

Đối với các khoản vay trong các tháng 5,6,9,10,11/2020, ông A khai có cho ông C vay nhiều lần tổng cộng là 77.000.000đ (Bảy mươi bảy triệu đồng) và ông A đã chuyển tiền cho ông C vay vào tài khoản của vợ ông C là bà Trần Phạm Thùy E. Ông C thừa nhận có việc chuyển tiền từ ông A vào tài khoản của vợ ông C là bà Trần Phạm Thùy E, nhưng không phải là tiền ông A cho ông C vay mà là tiền ông A trả lãi cho ông C từ một khoản tiền mà ông C đã cho ông A vay.

Bản án sơ thẩm đã tuyên:

Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc ông Ngô Đức C phải trả ông Võ Thanh A số tiền 745.000.000 đồng theo Giấy vay tiền ngày 09/6/2020 được lập giữa ông A và ông C và 77.000.000 đồng từ việc ông C vay ông A vào các tháng 5,6,9,10,11/2020. Tổng cộng số tiền ông C phải trả ông A qua các giao dịch vay tài sản là 822.000.000đ (Tám trăm hai mươi hai triệu đồng).

Kể từ khi ông A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông C chưa trả số tiền nêu trên thì hàng tháng ông C còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu đòi tiền bán xe ô tô của nguyên đơn theo Hợp đồng mua bán xe ô tô ngày 08 tháng 5 năm 2020 giữa ông A và ông C do hợp đồng bị vô hiệu. Do bên bán chưa giao xe, bên mua chưa giao tiền mua xe nên

không làm phát sinh nghĩa vụ trả lại cho nhau những gì đã nhận. Ngoài ra bản ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 10/10/2023, bị đơn ông Ngô Đức C kháng cáo toàn bộ bản án; đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Ngày 13/10/2023, Viện kiểm sát nhân dân quận X có Quyết định số 10/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị sửa án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota – Biển kiểm soát 49LD-YYYY do công ty TNHH LD G đứng tên chủ sở hữu có làm giấy tay bán cho ông A, ông A bán cho ông C và ông C đã giữ giấy tờ xe.

Bị đơn trình bày: Đề nghị sửa án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn vì: việc mua bán xe là không có thực, trước đây ông A có báo là đưa một chiếc xe ô tô lên Sài Gòn sửa bảo ông qua tiệm sửa xe ở Quận H nhận, nhưng ông không mua nên không đến nhận. Do trong quá trình cùng hợp tác làm ăn chung nên ông tin tưởng có ký khống vào một số tờ giấy do ông A đưa, hoàn toàn không có ký vào giấy mua bán xe, giấy vay tiền ngày 9/6/2020; còn số tiền chuyển vào tài khoản của bà E (Vợ ông C) là tiền lãi của khoản vay mà ông A vay của ông.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Phạm Thùy E vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham dự phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về hình thức: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa phúc thẩm cho đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình.

Về thời hạn kháng cáo của các đương sự là còn trong hạn luật định.

Về nội dung kháng nghị: Giữ nguyên kháng nghị, sửa án sơ thẩm; đề nghị chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của các đương sự nộp trong thời hạn theo quy định tại Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được chấp nhận xem xét lại bản án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bà E vắng mặt không lý do mặt dù đã được tống đạt hợp lệ nên Toà án căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà E.

Căn cứ đơn khởi kiện, đơn sửa đổi bổ sung nguyên đơn khởi kiện đòi tài sản gồm:

- Số tiền 191.980.000đ. Tại phiên toà sơ thẩm thay đổi yêu cầu chỉ buộc nguyên đơn trả số tiền là 120.000.000đ, rút yêu cầu về tiền sửa xe vì chưa cung cấp được chứng cứ);

- Số tiền vay 745.000.000đ theo giấy vay tiền ngày 9/6/2020;

- Tiền chuyển khoản cho bị đơn ông C vay (vào tài khoản của vợ ông C là bà E) các tháng 5, 6,9,10,11 năm 2020, tổng cộng là 77.000.000đ;

Xét cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là "Đòi tài sản" là thiếu quan hệ tranh chấp về hợp đồng mua bán xe và tranh chấp vay tài sản theo quy định tại Điều 196 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các tranh chấp này chưa thụ lý nhưng trong quá trình giải quyết vụ án cũng như bản án dân sự sơ thẩm đã xem xét và giải quyết các yêu cầu này là vượt phạm vi xét xử theo Điều 5 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Tại Bản án số 572/2022/TLST-DS ngày 29/12/2023 xác định quan hệ tranh chấp "Đòi tài sản" nhưng trên tiêu đề bản án là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" là không đúng theo nội dung thụ lý vụ án;

Đối với hợp đồng mua bán xe khi xem xét giải quyết thể hiện trong hợp đồng mua bán giấy đăng ký xe do công ty TNHH LD G đứng tên sở hữu và trong tài liệu không có nộp giấy chứng nhận đăng ký xe;

Tại phiên toà phúc thẩm nguyên đơn khai có hợp đồng mua bán chuyển nhượng xe giữa ông A và công ty TNHH LD G. Cấp sơ thẩm không đưa chủ sở hữu xe vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để làm rõ tính hợp pháp của hợp đồng chuyển nhượng xe;

Đối với nội dung về số tiền khởi kiện ban đầu trong việc mua bán xe là 191.980.000đ, tại phiên toà nguyên đơn rút một phần yêu cầu về số tiền sửa xe, chỉ yêu cầu đòi tiền mua bán xe nhưng cấp sơ thẩm không tuyên đình chỉ một phần yêu cầu do nguyên đơn rút kiện là thiếu sót.

[3] Về nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận X.

Về việc tiến hành phiên họp công khai chứng cứ và hoà giải là không đúng quy định tại khoản 3 Điều 209 Bộ luật Tố tụng Dân sự; cụ thể: phiên họp ngày 20/6/2023, ngày 2/8/2023, ngày 25/8/2023 đều vắng mặt người liên quan là bà Trần Phạm Thùy E nhưng Toà án không ban hành và niêm yết thông báo kết quả phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải;

Đồng thời biên bản phiên họp công khai chứng cứ không liệt kê tài liệu, chứng cứ gì, ai cung cấp;

Xét nội dung kháng nghị này là đúng quy định tại khoản 3 Điều 209 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được chấp nhận;

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bản án sơ thẩm tuyên không chấp nhận đòi tiền bán ôtô (số tiền 120.000.000đ) nhưng không tuyên nguyên đơn phải chịu án phí có giá ngạch đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận là thiếu sót;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: nội dung kháng nghị này là có cơ sở nên được chấp nhận;

Tòa sơ thẩm không thụ lý yêu cầu tính lãi đối với số tiền bị đơn đã vay; tại phiên toà nguyên đơn có yêu cầu tính lãi theo mức 0,85%/tháng. Hội đồng xét xử đã tuyên không xem xét đối với yêu cầu này của nguyên đơn vì vượt phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, nhưng bản án không ghi nội dung trên là thiếu sót;

Căn cứ vào biên bản phiên tòa, diễn biến có nội dung trên, nên kháng nghị này của Viện kiểm sát là có cơ sở nên được chấp nhận.

Về hậu quả giải quyết của giao dịch dân sự vô hiệu.

Bản án nhận định lý do không chấp nhận yêu cầu đòi tiền bán xe ô tô của nguyên đơn vì nguyên đơn không chứng minh được có việc giao xe nên không phát sinh nghĩa vụ trả tiền. Nhưng bản án không tuyên chấp nhận yêu cầu trả tiền bán xe vì hợp đồng mua bán xe ô tô bị vô hiệu là chưa phù hợp với nội dung bản án đã nhận định trước đó;

Đồng thời nguyên đơn, bị đơn không có yêu cầu tuyên bố hợp đồng mua bán xe vô hiệu hay giải quyết hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu thì toà phải giải thích cho các đương sự về hậu quả pháp lý của tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu, việc giải thích phải được ghi vào biên bản và lưu hồ sơ vụ án. Nhưng hồ sơ không có biên bả giải thích trên là thiếu sót ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

Xét nội dung kháng nghị này của Viện kiểm sát là phù hợp nên được chấp nhận.

Về nội dung tuyên chấp nhận số tiền 745.000.000đ theo giấy vay tiền ngày 9/6/2020.

Theo nhận định của Viện kiểm sát giấy vay tiền của hai bên nhưng nguyên đơn không có chứng cứ chứng minh việc giao tiền, bị đơn không thừa nhận việc vay tiền nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu này theo bản án sơ thẩm.

Xét các kháng nghị của Viện kiểm sát về thủ tục tố tụng là phù hợp với nhận định của Toà án; ngoài ra cấp sơ thẩm còn các vi phạm về tố tụng như nội dung đã nhận định trên. Cấp phúc thẩm không thể khắc phục nên phải hủy án để cấp sơ thẩm khắc phục nội dung trên và để đảm bảo hai cấp xét xử.

Về nội dung: Xét thấy cần hủy án do vi phạm về tố tụng nên Hội đồng xét xử không đánh giá, xem xét về nội dung vụ án theo kháng nghị của Viện kiểm sát.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn được chấp nhận nên đương sự không phải nộp phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, Điều 196, Điều 217, Điều 228, Điều 272, Điều 273, Khoản 2, khoản 3 Điều 296 và khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Ngô Đức C;

2. Chấp nhận một phần kháng nghị số 10/QĐKNPT-VKS-DS ngày 13/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân quận X;

Huỷ bản án dân sự sơ thẩm số 501/2023/DS-ST ngày 29/9/2023.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bị đơn ông Ngô Đức C không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí do ông C đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2023/0007499 ngày 19/10/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS quận X;
- Tòa án nhân dân quận X;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Như Hà